

**Phụ lục 3: BẢNG GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ TÍNH TOÁN CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN NHÓM I CỦA
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 401 /QĐ-UBND ngày 11 /4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
CS1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	3,9	Từ số liệu tính toán tổng lượng nước thải phát sinh và tổng lượng nước thải được thu gom xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (tại Văn bản số 820/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 18/3/2024 của Sở Xây dựng về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh)	Trên địa bàn tỉnh có 01 Nhà máy xử lý nước thải tại thành phố Phan Rang-Tháp Chàm có công suất xử lý 5.000 m ³ /ng.đ. Hiện tại, lượng nước thải sinh hoạt của thành phố được thu gom về nhà máy xử lý được khoảng 2.500 m ³ /ng.đ.
CS2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	100	- Từ số liệu tổng hợp các cơ sở sản xuất có lưu lượng thải từ 50 m ³ /ngày đêm trở lên cấp tỉnh và huyện (trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp). - Kết quả xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của các cơ sở hoặc giám sát môi	Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 42 cơ sở có lưu lượng thải lớn hơn 50 m ³ /ngày đêm, đến nay, cả 42/42 cơ sở đều có công trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép.

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
				trường định kỳ.	
CS3	Tỷ lệ Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	66,67	Văn bản số 184/BQLKCN-NV2 ngày 6/02/2024 của Ban Quản lý các KCN về việc đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Theo quy hoạch, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 04 khu công nghiệp là: Thành Hải, Cà Ná, Phước Nam, Du Long, đến nay, KCN Thành Hải đã đầu tư HTXLNT công suất 1.400 m ³ /ngày, KCN Du Long đã đầu tư HTXLNT công suất 3.000 m ³ /ngày; KCN Phước Nam hiện đang hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung; số lượng doanh nghiệp trong phạm vi KCN hoạt động ít và các doanh nghiệp này đều có đầu tư hệ thống xử lý cục bộ đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
CS4	Tỷ lệ Cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	0	Văn bản số 494/SCT-CN ngày 13/3/2024 của Sở Công thương về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 01 CCN đang hoạt động là CCN Tháp Chàm và theo quy hoạch đây là CCN sạch, hiện tại không đầu tư HTXLNT tập trung, các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải đổ vào hệ thống thoát nước chung của cụm

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
					công nghiệp.
CS5	Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	%	87,6	Văn bản số 803/SYT-VP ngày 05/3/2024 của Sở y tế về việc báo cáo kết quả thực hiện Bộ chỉ số bảo vệ môi trường ngành Y tế năm 2023	Trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 8 cơ sở y tế đang hoạt động. Trong đó 7 cơ sở có HTXLNT đạt quy chuẩn môi trường, 1 cơ sở còn lại HTXLNT xuống cấp, hư hỏng nên nước thải sau xử lý chưa đạt yêu cầu bảo vệ môi trường.
CS6	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	%	-		Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023
CS7	Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị (xe/10.000 người)	xe/10.000 người	8,95	Văn bản số 439/SGTVT-QLVT ngày 20/02/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc báo cáo chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023	Chỉ số tăng hơn so với năm 2022, thể hiện nhu cầu đi lại, giao thông của người dân có sự hồi phục và tăng trưởng sau dịch Covid-19
CS8	Số lượng sự cố môi trường do chất thải gây ra (vụ)	vụ	-		Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023
CS9	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	100	- Báo cáo công tác quản lý CTNH của các cơ sở trong năm 2023 - Kết quả kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản	Tỷ lệ thu gom chất thải nguy hại phát sinh được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định đạt 100% .

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
				xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh năm 2023	
CS10	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước, đảng, tổ chức chính trị-xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; các siêu thị, khu du lịch đã có quy định, cam kết, kế hoạch triển khai về chống rác thải nhựa	%	-		Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023
CS11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn	%	0	- Văn bản số 820/SXD-QLHXD&HTKT ngày 18/3/2024 của Sở Xây dựng về việc báo cáo kết quả tính toán Bộ chỉ số đánh giá xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường	Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa triển khai phân loại rác thải tại nguồn
CS12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100	- Báo cáo của UBND các huyện, xã về tỷ lệ, khối lượng rác thu gom, phân loại; - Phương án thu gom, vận chuyển rác hàng năm của các xã đã được UBND các huyện phê duyệt; - Hợp đồng chuyển giao rác thải	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (162,35 tấn/ngày); Huyện Ninh Phước (70,23 tấn/ngày); Huyện Ninh Hải (88,94 tấn/ngày); Huyện Ninh Sơn (41,49 tấn/ngày); Huyện Thuận Bắc (19,07 tấn/ngày); Huyện Thuận Nam (36,34 tấn/ngày); Huyện Bác Ái (18,01 tấn/ngày). Toàn bộ chất thải sinh hoạt của các huyện, thành phố đều được thu gom

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
				giữa UBND các huyện/thành phố với Công ty TNHH XD TM&SX Nam Thành Ninh Thuận	về nhà máy xử lý chất thải rắn của Công ty Nam Thành Ninh Thuận xử lý thành phân bón hữu cơ và các sản phẩm khác từ rác
CS13	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100		Hiện tại trên địa bàn tỉnh có bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh của Công ty TNHH XD TM&SX Nam Thành Ninh Thuận đặt tại xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc dùng để chôn lấp chất thải của nhà máy rác sau khi đã phân loại
CS14	Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo	%	-	Văn bản số 700/SNNPTNT-QLCN ngày 05/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện khu vực có đất ô nhiễm tồn lưu.
CS15	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	98,85	Văn bản số 820/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 18/3/2024 của Sở Xây dựng về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh	- Tổng số dân khu vực đô thị là 264.233 người; - Số dân được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 261.194 người. - Tỷ lệ cấp nước sạch năm 2023

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
					tăng hơn so với năm 2022 thể hiện hệ thống nước sạch đô thị đã dần được cung cấp đồng bộ đến người dân khu vực đô thị.
CS16	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	99,73	Văn bản số 700/SNNPTNT-QLCN ngày 5/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	- Tổng số hộ gia đình nông thôn là 117.942 hộ; - Số hộ dân được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh là 117.618 hộ.
CS17	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có hố xí hợp vệ sinh	%	-		Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023
CS18	Tỷ lệ diện tích đất của các khu bảo tồn thiên nhiên đã được thành lập trên tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	%	100	- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 26/8/2018 của UBND tỉnh. - Văn bản số 218/BC-BQLVQGNC ngày 18/3/2024 của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa và số 67/BQLVQGPB-KHBTTN ngày 16/2/2024 của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình về việc báo cáo tổ chức thu thập, đánh giá thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ	- Tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học là 41.042 ha. - Tổng diện tích đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được thành lập đến 31/12/2022 là 41.042 ha (trong đó: Vườn Quốc gia Núi Chúa là 21.848 ha và Vườn Quốc gia Phước Bình là 19.194 ha).

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
				môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023.	
CS19	Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch phát triển rừng	%	0,79	Văn bản số 700/SNNPTNT-QLCN ngày 05/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch phát triển rừng giảm hơn so với năm 2022 do Diện tích rừng đặc dụng trồng mới giảm hơn so với năm 2022.
CS20	Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá	ha	11,18	Văn bản số 700/SNNPTNT-QLCN ngày 05/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá năm 2023 tăng hơn so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu là do khí hậu trong năm 2023 khô hạn, ít mưa hơn nên diện tích bị cháy tăng lên nhiều hơn so với năm 2022.
CS21	Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo	kWh	5.949.400.000	Văn bản số 494/SCT-CN ngày 13/3/2024 của Sở Công thương về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo tăng nhiều so với năm 2022 do nhiều dự án đã đi vào vận hành chính thức và ổn định.
CS22	Số trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường	Trạm/10.000 người	01		Hiện tại, tỉnh Ninh Thuận có 01 trạm quan trắc tự động chất lượng

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
	không khí tại các đô thị loại IV trở lên trên 10.000 dân đô thị				môi trường không khí xung quanh đặt tại TP.Phan Rang-Tháp Chàm.
CS23	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo quy định của pháp luật	%	100	Kết quả rà soát, báo cáo số lượng các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường	- Năm 2023, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 05 cơ sở đã lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở TNMT (<i>Nhà máy đường Biên Hòa Phan Rang; Trạm nghiền xi măng Luks; Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú; Khu Công nghiệp Thành Hải; Nhà máy Bia Sài Gòn Ninh Thuận</i>). như sau: + Khí thải: Nhà máy đường Biên Hòa Phan Rang; Trạm nghiền xi măng Luks. + Nước thải: Nhà máy Bia Sài Gòn Ninh Thuận; Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú; Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Thành Hải.
CS24	Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường	%	2,71	- Văn bản số 631/STC-NS ngày 21/02/2024 của Sở Tài chính về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả	Ngân sách chi cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2023 giảm hơn so với năm 2022.

TT	Nội dung chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tài liệu minh chứng	Ghi chú
				bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023.	
CS25	Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên 1 triệu dân	Người/triệu dân	155	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phân công nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường tại các địa phương; Quyết định tuyển dụng công chức về lĩnh vực quản lý môi trường. - Niên giám thống kê tỉnh Ninh Thuận năm 2023 	<ul style="list-style-type: none"> - Dân số năm 2023 của tỉnh là 601.000 người (theo Niên giám thống kê 2023) - Số lượng công chức tăng so với năm 2022 do bổ sung tuyển dụng biên chế.
CS26	Tỷ lệ xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng	%	100	Tờ báo cáo của các đơn vị, bộ phận có đường dây nóng	